

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện

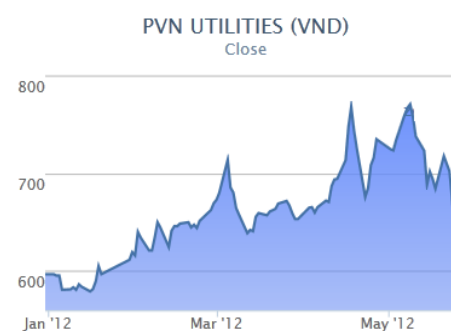
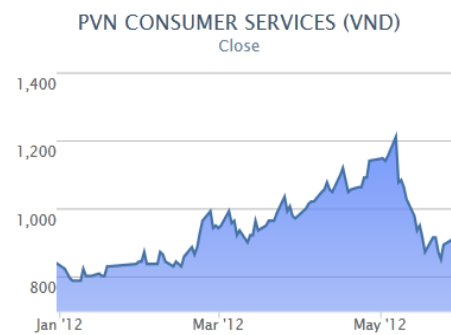


Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	856.31	↑ 1.35	↑ 0.16
PVN All-Share Continuous	714.55	↑ 1.41	↑ 0.2
PVN All-Share	694.46	↑ 1.42	↑ 0.21
PVN All-Share HSX	729.7	↓ -0.21	↓ -0.03
PVN All-Share HNX	652.55	↑ 4.38	↑ 0.68
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1005.8	↑ 2.9	↑ 0.29
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	901.41	→ 0	→ 0
PVN Tài Chính	671.37	↓ -2.2	↓ -0.33
PVN Công Nghiệp	561.52	↑ 1.78	↑ 0.32
PVN Dầu Khí	662.22	↑ 3.83	↑ 0.58
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	697.51	↑ 0.08	↑ 0.01

Chỉ số Ngành



Giới thiệu Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHNX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyển nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
 - PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
 - PVN Tài Chính
- PVN Công Nghiệp
 - PVN Dầu Khí
 - PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	435.34 ↑	3.94	0.91%
KLGD (triệu ck)	48.85 ↑	1.17	2.45%
GTGD (tỷ đồng)	773.28 ↑	53.01	7.36%
Tổng cung (triệu ck)	157.27 ↑	54.75	53.40%
Tổng cầu (triệu ck)	166.88 ↑	50.61	43.53%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	4.15 ↑	0.43	11.49%
KL bán (triệu ck)	2.15 ↓	-0.74	-25.58%
Giá trị mua (tỷ đồng)	115.14 ↑	28.51	32.91%
Giá trị bán (tỷ đồng)	70.94 ↓	-10.22	-12.59%

Theo số liệu của Bộ Tài Chính, tính đến tháng 9/2011, dư nợ vay ngân hàng của các doanh nghiệp nhà nước là 415.347 tỷ đồng, chiếm tới 16,9% tổng dư nợ tín dụng. Đáng chú ý là chỉ riêng 12 tập đoàn kinh tế của nhà nước dư nợ đã lên tới 218.738 tỷ đồng, chiếm 8,76% tổng dư nợ toàn ngành ngân hàng và chiếm 52,66% dư nợ cho vay doanh nghiệp nhà nước.

HSBC dự báo tốc độ tăng trưởng tín dụng của Việt Nam năm 2012 sẽ chỉ khoảng 13% do nhu cầu tiêu dùng nội địa còn yếu và kỳ vọng NHNN sẽ còn tiếp tục cắt giảm lãi suất trong vài tháng tới.

Cập nhật tóm tắt diễn biến thị trường tiền tệ:

Thị trường liên ngân hàng vẫn tương đối ổn định và ít có giao dịch, lãi suất liên ngân hàng tiếp tục giảm sau khi NHNN giảm các mức lãi suất điều hành xuống thêm 1%. Lãi suất LNH O/N dao động quanh mức 1 – 1,5%/năm.

Trên thị trường mở, tổng lượng vay của các NHTMCP chỉ dao động quanh mức 1000 – 2000 tỷ, tuy nhiên nhu cầu đi vay của các NHTM bắt đầu có dấu hiệu tăng trở lại. Bên cạnh đó đợt đấu thầu TPCP ngày 29/5 có tỷ lệ trúng thầu khá thấp cũng là một tín hiệu tương đồng và cho thấy các NHTM bắt đầu đẩy mạnh giải ngân cho vay hơn so với các tháng đầu năm.

Tỷ giá liên ngân hàng tăng khá mạnh so với sự ổn định trước đó. Chênh lệch lãi suất VND và USD tiếp tục được co hẹp lại khiến cho nhu cầu găm giữ USD tiếp tục tăng. Tỷ giá LNH hiện ở mức 20.870/20.875.

Giá vàng trong nước tiếp tục giảm mạnh, tiến về sát mốc 41 triệu đồng/lượng. Giá vàng SJC hiện đang ở mức 40,95 – 41,25 triệu đồng/lượng. Do giá xuống khá thấp nên lực mua có phần tăng nhẹ nhưng thị trường nhìn chung vẫn giao dịch khá ảm đạm, chưa có nhiều đột phá. Chênh lệch giá vàng đã tăng lên mức 2,3 triệu đồng/lượng.

Khối lượng giao dịch trên hai sàn vẫn tiếp tục giảm. Về mặt kỹ thuật, ở mức KLGD thấp như vậy có thể coi là sự cạn kiệt thanh khoản, là tín hiệu cho thấy bên bán đã tạm dừng việc bán ra với giá thấp. Theo đó, khả năng chỉ số phục hồi nhẹ có thể diễn ra trong một vài phiên kế tiếp, tuy nhiên vẫn chưa xuất hiện tín hiệu đảo chiều chắc chắn trên cả hai sàn. VN-Index có kháng cự tại 451 điểm, và mức tương ứng với HNX-Index là 77 điểm. NĐT không nên mua vào trong những phiên thị trường tăng điểm nếu như KLGD trên hai sàn duy trì mức thấp như những phiên vừa qua.

Công Ty CPCK Dầu khí
18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội
ĐT: (84-4) 39343888
Fax: 393439999

HNX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	75.62 ↑	0.32	0.42%
KLGD (triệu ck)	32.37 ↑	0.27	0.85%
GTGD (tỷ đồng)	345.81 ↑	12.55	3.77%
Tổng cung (triệu ck)	65.90 ↑	2.19	3.43%
Tổng cầu (triệu ck)	62.58 ↑	6.98	12.55%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.60 ↓	-0.03	-4.15%
KL bán (triệu ck)	0.35 ↓	-0.37	-51.61%
Giá trị mua (tỷ đồng)	7.97 ↓	-1.76	-18.11%
Giá trị bán (tỷ đồng)	4.57 ↓	-4.24	-48.17%



Đồ thị HNX-Index.

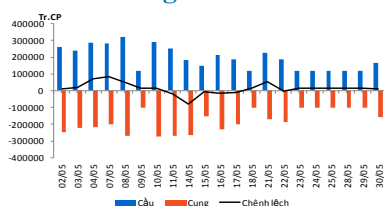
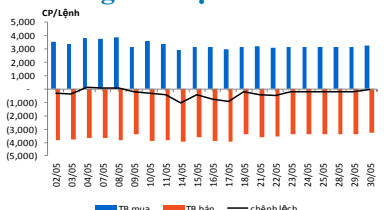
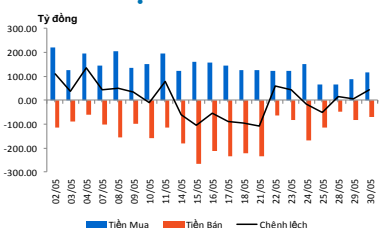
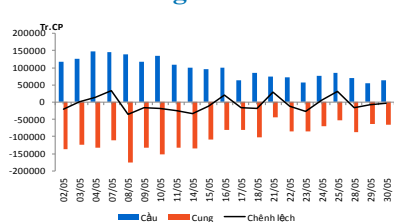
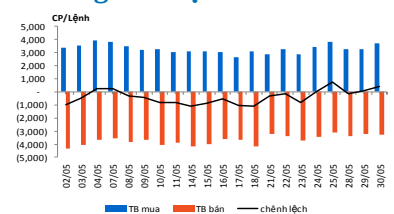
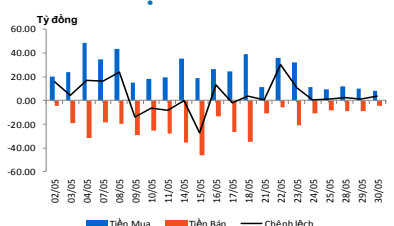
Tín hiệu từ thanh khoản cho thấy trạng thái tiết cung tạm thời, tuy nhiên về mặt kỹ thuật vẫn chưa có gì đảm bảo thị trường đã ngừng giảm.

Xu thế giảm vẫn còn hiện hữu. Hiện tại, EMA (30) vẫn đi xuống và kháng cự 77 điểm chưa bị phá vỡ.

Thanh khoản của thị trường giảm tới mức kỉ lục, đã gần bằng thời kì cuối năm 2011. Đây là tín hiệu cho thấy sự tiết cung ngắn hạn và khả năng phục hồi nhẹ có thể diễn ra trong một vài phiên sắp tới.

Công cụ dòng tiền đã xuống mức rất thấp (OVER SOLD) và bắt đầu đi lên. Tuy nhiên chúng tôi đã đánh dấu trên đồ thị và lưu ý rằng đây không phải là tín hiệu tích cực. Trong một xu thế giảm, sự phục hồi ngắn hạn với nguyên nhân do giảm cung tạm thời có thể sẽ tạo ra một phân kì tiêu cực trước khi thị trường tiếp tục đi theo xu thế giảm hiện hữu.

Sự tiết cung ngắn hạn thể hiện khi thanh khoản HNX đã giảm xuống mức kỉ lục kể từ đầu năm đến nay. Yếu tố này cho thấy khả năng tăng nhẹ có thể tiếp diễn trong 1 – 2 ngày tới. Tuy nhiên, về mặt kỹ thuật chỉ số HNX-Index chưa có gì tích cực và vẫn trong xu thế giảm. Yếu tố quyết định xu thế của chỉ số nằm ở KLGD. Nếu thị trường tiếp tục duy trì mức KLGD thấp thì khả năng sụt giảm vẫn chiếm ưu thế cao, do đó NĐT không nên vội vàng giải ngân, đặc biệt trong các phiên thị trường phục hồi nhẹ.

HSX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****HNX:****Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

Thị trường nhích nhẹ nhờ sự khởi sắc của vài mã bluechips tuy nhiên đà phục hồi thực sự vẫn chưa diễn ra khi mà lực cầu ở phần còn lại khá thận trọng thể hiện qua thanh khoản tiếp tục ở mức thấp. Đợt khớp lệnh thứ nhất, cổ phiếu BVH tăng trần cùng với sắc xanh của HAG, SSI, GAS, VNM và một số cổ phiếu vừa và nhỏ khác giúp VN-Index tăng 1.85 điểm, tức 0.43% lên 433.29 điểm. Toàn sàn chỉ có 65 mã tăng giá, 39 mã giảm và 37 mã giao dịch ở mức tham chiếu. Giao dịch đạt khoảng 1.87 triệu đơn vị, tương đương 26.68 tỷ đồng.

Ở buổi chiều các mã bluechips đều giữ được sắc xanh, đặc biệt GAS tăng đến 3% đóng góp đến 1.4 điểm cho VN-Index. Do lực cầu chưa thực sự mạnh và bên bán chủ yếu treo giá cao nên thị trường khó có thể bứt phá. Cuối phiên, VN-Index dừng lại tại 435.34 điểm, tăng 3.9 điểm, tương đương 0.9% so với phiên trước. Thanh khoản chỉ nhích nhẹ so với hôm qua, 49 triệu đơn vị với tổng giá trị tương đương 787 tỷ đồng.

Khỏi ngoại ở phiên này mua vào 3.65 triệu đơn vị tập trung vào SBT, MBB, IJC, DPM, TDC, VIC, PPC...

Diễn biến thị trường Hà Nội:

Cùng lúc này, HNX-Index tăng nhẹ 0.16 điểm, tức 0.21% đạt 75.46 điểm nhờ mức tăng của VND, SCR tổng cộng khoảng 46 mã. Giao dịch vốn vẹn 1.9 triệu đơn vị, tương đương 21 tỷ đồng.

HNX ở phiên này theo dõi khá sát giao dịch tại HOSE, mỗi đợt suy giảm của VN-Index đều làm cho HNX-Index rơi khỏi mốc tham chiếu.

Cuối phiên, sự nhích nhẹ của sàn HOSE, giúp lực cầu tại HNX cũng tích cực hơn. Với gần 140 mã với nhiều cổ phiếu giữ vai trò nâng đỡ về mặt tâm lý như SCR, VND, SHB, PVS, VCG, ngay cả SHN cũng bật tăng trần với dư mua tràn áp đảo giúp HNX-Index khởi sắc. HNX-Index thoát một phiên giảm, và tăng 0.32 điểm, tức 0.42% lên 75.62 điểm.

Thanh khoản cũng chỉ dừng lại ở mốc 32.4 triệu đơn vị, tương đương 345.8 tỷ đồng.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 27 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 14 cổ phiếu tăng giá, 6 cổ phiếu đứng giá và 7 cổ phiếu giảm giá. Cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là PFL (tăng 3,64%). Cổ phiếu giảm giá nhiều nhất là PCG (giảm 1,92%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này tăng 0,8% và tổng khối lượng giao dịch đạt 7,082 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 30/05:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị	5,100.0	2,900	↓ -1.92	0.45	13.78	HNX
2	PFL	CTCP Dầu khí Đông Đô	5,700.0	171,060	↑ 3.64	0.33	0.56	HNX
3	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	23,700.0	491,900	↓ -0.42	1.94	1.58	HNX
4	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	13,000.0	216,400	↑ 4.00	1.21	8.23	HNX
5	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	5,500.0	-	→ 0.00	0.50	3.04	HNX
6	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	5,700.0	258,600	↑ 3.64	0.56	N/A	HNX
7	PVC	Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	16,900.0	63,840	↓ -0.59	1.01	2.53	HNX
8	PVE	Tổng công ty Tư vấn và Thiết kế Dầu khí	12,000.0	62,535	↑ 2.56	2.10	5.48	HNX
9	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	13,800.0	396,400	→ 0.00	0.88	9.93	HNX
10	PVI	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí	19,100.0	53,500	→ 0.00	0.82	9.65	HNX
11	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN	6,600.0	600	↑ 1.54	0.63	3.10	HNX
12	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	16,800.0	893,400	↑ 2.44	1.42	4.49	HNX
13	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN	10,000.0	1,806,885	→ 0.00	0.44	3.76	HNX
14	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	37,800.0	170,280	↑ 3.00	3.05	12.12	HSX
15	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	34,700.0	498,960	↑ 0.29	2.08	5.61	HSX
16	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	28,100.0	22,910	↑ 0.36	1.29	3.42	HSX
17	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	8,300.0	71,870	↑ 2.47	0.71	6.06	HSX
18	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	12,800.0	101,830	→ 0.00	0.73	3.15	HSX
19	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN	34,800.0	2,240	→ 0.00	1.70	4.92	HSX
20	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	6,000.0	348,490	↑ 1.69	0.59	4.65	HSX
21	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	36,500.0	70,310	↓ -0.27	1.23	7.17	HSX
22	PVF	Tổng CTCP Tài chính Dầu khí	13,000.0	938,920	↓ -0.76	1.14	16.46	HSX
23	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	6,000.0	254,040	↑ 1.69	0.61	54.55	HSX
24	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	7,400.0	81,390	↓ -2.63	0.71	4.93	HSX
25	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	6,700.0	18,130	↓ -1.47	0.61	3.49	HSX
26	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	11,600.0	35,360	↑ 0.87	0.88	3.48	HSX
27	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	6,800.0	50,140	↑ 1.49	0.62	4.47	HSX
28	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	→ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
29	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	→ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
30	PSP	CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
31	PSB	CTCP Đầu tư Sao Mai - Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	→ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
STB	25,200	25,400	0.79	98,164,748
SSI	22,100	22,200	0.45	35,828,545
SAM	8,100	8,500	4.94	33,490,151
MBB	14,700	14,900	1.36	30,744,678
SBT	19,100	19,700	3.14	28,959,081

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
SCR	14,600	14,900	2.05	44,143
VND	12,000	12,100	0.83	40,479
SVN	35,800	35,800	0.00	20,326
PVX	10,000	10,000	0.00	18,180
SHB	9,800	10,000	2.04	16,628

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VKB	700	800	100	14.29
CAD	900	1,000	100	11.11
TTP	32,000	33,600	1,600	5.00
SAM	8,100	8,500	400	4.94

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VIT	4,300	4,600	300	6.98
SAP	7,200	7,700	500	6.94
AMC	16,000	17,100	1,100	6.88
CTV	4,400	4,700	300	6.82
VIE	5,900	6,300	400	6.78

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
VSG	1,700	1,600	-100	-5.88
TLG	22,200	21,100	-1,100	-4.95
NSC	45,000	42,800	-2,200	-4.89
KSH	10,300	9,800	-500	-4.85
KSA	12,400	11,800	-600	-4.84

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
SHC	4,300	4,000	-300	-6.98
VMC	20,200	18,800	-1,400	-6.93
V21	10,100	9,400	-700	-6.93
HLC	13,000	12,100	-900	-6.92
S91	5,800	5,400	-400	-6.90

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VIC	16,538	BVH	14,446
SBT	13,248	HAG	13,507
HAG	12,835	VIC	9,705
DPM	10,320	DPM	8,051
VCF	8,030	STB	4,521

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
PVS	2,768	AAA	1,028
PVX	2,020	VNR	871
PGS	525	SDT	615
HHC	486	VC1	296
DBC	461	BVS	235

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



PSI

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339